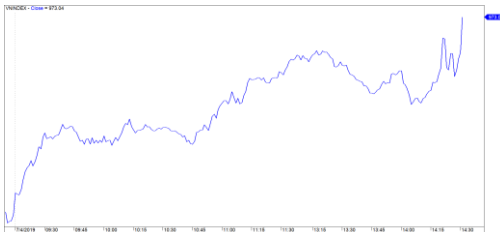


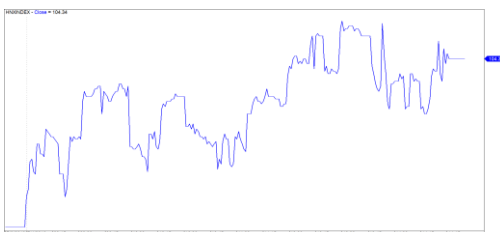
Diễn biến thị trường trong phiên			
Rating	VNI	HNI	UPCOM
Điểm	973.04	104.34	55.56
% ngày	1.32%	0.65%	0.49%
% tuần	3.17%	1.34%	0.82%
% tháng	2.30%	1.24%	1.20%
% năm	6.34%	4.35%	11.10%
GTGD (Tỷ VND)			
Trong ngày	4,128	323	318
TB 1 tuần	3,751	352	272
TB 1 tháng	3,616	320	274
Khối ngoại (Tỷ VND)			
Mua	473.47	18.47	67.47
Bán	355.65	6.09	50.67
Giá trị ròng	117.82	12.38	16.80
Độ rộng TT			
Mã Tăng	184	71	0
Mã Giảm	110	60	0
Không Đổi	92	238	892
Chỉ số chính			
P/E	16.59	9.36	17.57
Vốn hóa			
TT (ngàn tỷ)	3,251	188	975
LS Cổ tức	4.79%	3.30%	7.12%

Nguồn: Bloomberg – YSVN

VNINDEX



HNXINDEX



DIỄN BIẾN THỊ TRƯỜNG

Thị trường trong khu vực ghi nhận Shanghai Composite đang giảm 0.33%, Hangseng giảm 0.21% trong khi Kospi và Nikkei 225 tăng lần lượt 0.61% và 0.3%.

Các chỉ số chứng khoán Việt Nam tăng vượt trội so với thị trường trong khu vực khi VN-Index đóng cửa tăng 1.32% dừng tại 973.04 điểm, trong khi chỉ số HNX-Index tăng 0.64% đóng cửa tại 104.34 điểm, chỉ số Upcom-Index tăng 0.48% dừng tại 55.56 điểm. Thanh khoản cải thiện khi đạt hơn 3,450 tỷ đồng trên cả ba sàn.

Đà tăng có sự đồng thuận cao trong đó nhóm bluechip đóng vai trò dẫn dắt như VCB(4.2%), VHM(3.7%), TCB(2.9%), NVL(1.9%), DHG(2.3%), DPM(2.3%)...Bộ đôi HAG, HNG tăng tốt trong phiên nhưng đang có dấu hiệu bị chốt lời mạnh khi chỉ còn tăng lần lượt 0.9% và 3.2% về cuối phiên. Ngoài ra, cũng phải kể đến HBC(3%), SZC(6.9%), PPC(2.1%), LCG(2.3%)...là những mã có mức tăng tốt trên sàn HOSE. Trên sàn HNX, NDN(3.1%), PVS(2.2%), ACB(1.4%), LAS(1.5%) và trên Upcom là NTC(3.8%), SNZ(10.3%), VIB(3%). Nhóm cổ phiếu Ngân hàng và Bất động sản Khu công nghiệp có mức tăng khá nhất thị trường nhờ VCB, BID, TCB, SNZ, SIP, D2D, SZC.

Khối ngoại mua ròng 146 tỷ đồng trong đó PLX(68 tỷ), E1VFN30(53 tỷ), PDR(44 tỷ) là các mã dẫn đầu danh sách mua ròng. Ở chiều ngược lại, HPG(29 tỷ), VHM(28 tỷ), VRE(20 tỷ) dẫn đầu danh sách bán ròng.

QUAN ĐIỂM THỊ TRƯỜNG NGẮN HẠN

Chúng tôi cho rằng chỉ số VN-Index có thể mở rộng đà tăng về mức 987 điểm trong vài phiên tới. Đồng thời, đồ thị giá có dấu hiệu bước vào giai đoạn biến động mạnh theo chiều hướng tích cực cho thấy dòng tiền ngắn hạn dự báo sẽ tiếp tục tăng và sự đồng thuận sẽ gia tăng hơn trong những phiên tới. Điểm tích cực là dòng tiền chủ yếu tập trung ở nhóm cổ phiếu Largecaps cho thấy xu hướng tăng ngắn hạn sẽ bền vững hơn. Ngoài ra, tâm lý nhà đầu tư ngắn hạn đã lạc quan hơn với xu hướng hiện tại.

Hệ thống chỉ báo xu hướng của chúng tôi vẫn duy trì mức TĂNG xu hướng ngắn hạn của chỉ số VN-Index và chỉ số VN30 với mức hỗ trợ ở mức 944.97 điểm và 855.81 điểm và mức GIẢM xu hướng ngắn hạn của chỉ số HNX-Index với mức kháng cự ở mức 104.87 điểm. Do đó, chúng tôi khuyến nghị các nhà đầu tư ngắn hạn có thể chú ý vào xu hướng ở từng cổ phiếu và tận dụng nhịp điều chỉnh để gia tăng tỷ trọng cổ phiếu về mức khuyến nghị.

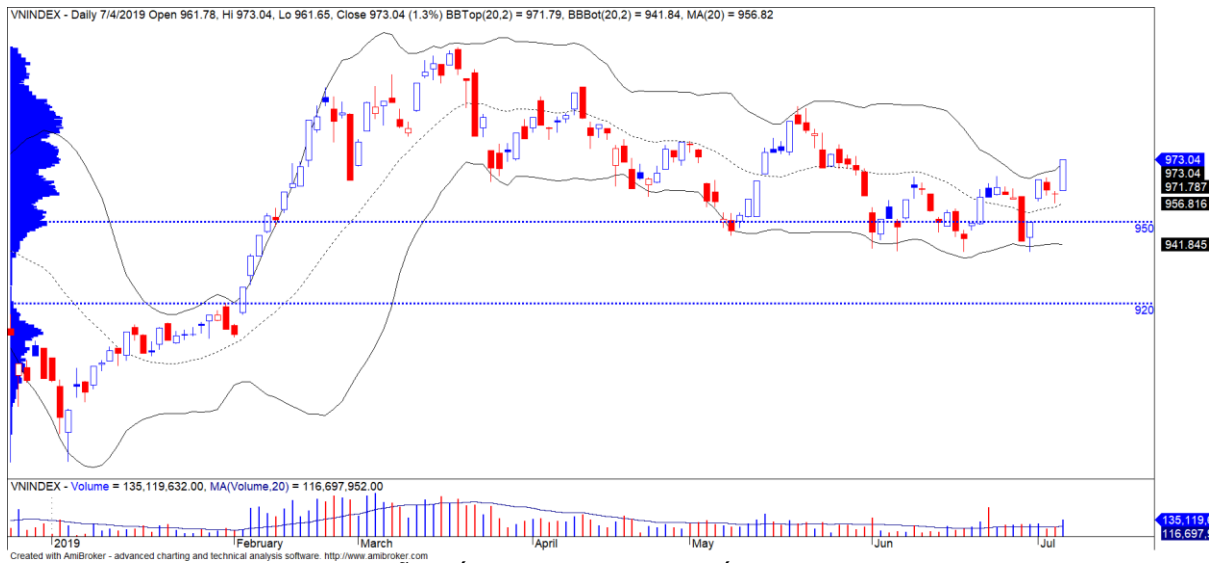
Tỷ trọng khuyến nghị ngắn hạn: 52% cổ phiếu/48% tiền.

(Bảng đánh giá xu hướng của các cổ phiếu theo dõi được cập nhật ở trang sau).

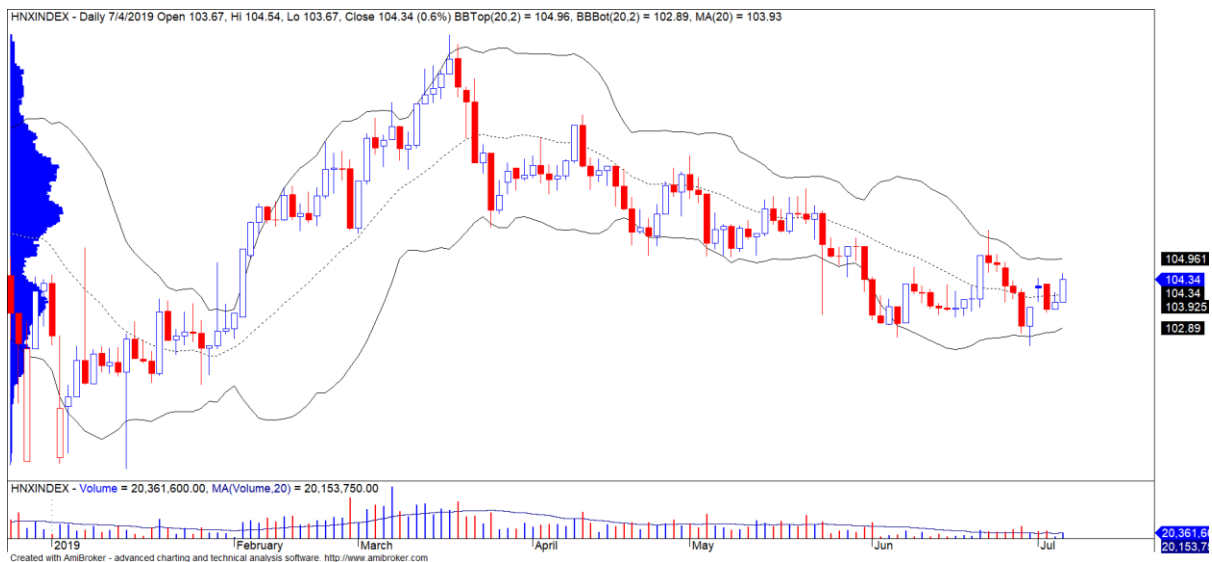


We Create **Fortune**

BIỂU ĐỒ PHÂN TÍCH KỸ THUẬT



Diễn biến thị trường của chỉ số VN-Index



Diễn biến thị trường của chỉ số HNX-Index

Chỉ số	Xu hướng ngắn hạn	Xu hướng trung hạn	Mức kháng cự 1	Mức kháng cự 2	Mức hỗ trợ 1	Mức hỗ trợ 2
Chỉ số VN-Index	TĂNG	TĂNG	1,000	1,025	965	953
Chỉ số HNX-Index	GIẢM	GIẢM	108	110	105	101
Chỉ số VN30	TĂNG	TĂNG	895	935	877	863
Chỉ số VNMidcaps	TĂNG	TĂNG	992	1,030	969	963
Chỉ số VNSmallcaps	TĂNG	TĂNG	835	845	822	804



We Create Fortune

BẢNG THEO DÕI XU HƯỚNG CÁC CỔ PHIẾU

CP	Giá	Xu hướng ngắn hạn	Xu hướng trung hạn	Giá mua ngắn hạn	Mức cắt lỗ ngắn hạn	%LN ngắn hạn tạm tính	Tín hiệu ngắn hạn	Giá mua trung hạn	Mức cắt lỗ trung hạn	%LN trung hạn tạm tính	Tín hiệu trung hạn
AAA	18.65	TĂNG	TĂNG	18.60	17.86	0.27%		16.85	16	10.68%	
ACB	29.20	GIẢM	GIẢM		29.53				31.45		
ACV	84.00	GIẢM	TĂNG		91.31			90.00	79.58	-6.67%	
ANV	26.70	GIẢM	GIẢM		27.71				30.56		
ASM	7.06	GIẢM	GIẢM		7.20				7.93		
BFC	18.70	GIẢM	GIẢM		19.65				22.44		
BID	32.80	TĂNG	TĂNG	32.65	31.49	0.46%		33.40	31	-1.80%	
BMP	44.50	TĂNG	GIẢM	44.50	42.24	0.00%			48		
BSR	12.30	GIẢM	GIẢM		13.09				14.68		
BVH	82.70	TĂNG	GIẢM	79.00	79.44	4.68%			85		
BWE	27.80	TĂNG	TĂNG	25.85	25.90	7.54%		20.00	24	39.00%	
CEO	10.30	GIẢM	GIẢM		10.51				12.74		
CII	21.90	GIẢM	GIẢM		23.10				24.53		
CMG	38.00	TĂNG	TĂNG	37.80	36.31	0.53%		23.20	32	63.79%	
CMX	23.00	TĂNG	TĂNG	23.20	22.21	-0.86%		5.91	22	289.17%	
CSM	14.60	GIẢM	TĂNG		15.24			14.39	14.22	1.46%	
CTD	107.00	TĂNG	GIẢM	102.00	100.27	4.90%			112		
CTG	21.15	TĂNG	TĂNG	21.05	19.86	0.48%		22.70	19.64	-6.83%	BÁN
CTI	23.00	TĂNG	GIẢM	23.80	22.66	-3.36%			25		
CTR	28.90	TĂNG	N/A	28.80	27.16	0.35%		-	3.89		
CVT	19.75	TĂNG	GIẢM	19.25	18.06	2.60%			20.33		
DCM	8.11	TĂNG	GIẢM	8.50	7.97	-4.59%			9		
DGC	31.00	TĂNG	GIẢM	28.50	29.14	8.77%			31		
DGW	22.05	TĂNG	GIẢM	21.85	20.66	0.92%			23.12		
DHA	36.00	TĂNG	TĂNG	32.25	34.28	11.63%		29.10	32	23.71%	
DHC	43.20	TĂNG	TĂNG	40.90	41.76	5.62%		35.20	38	22.73%	
DHG	107.50	TĂNG	GIẢM	108.00	101.56	-0.46%			115		
DIG	13.30	GIẢM	GIẢM		13.65				15.14		
DPG	37.35	GIẢM	TĂNG		38.07			40.02	34.78	-6.67%	
DPM	15.60	GIẢM	GIẢM		15.88				18.42		
DPR	44.50	TĂNG	TĂNG	43.40	43.52	2.53%		42.50	40	4.71%	
DQC	18.50	TĂNG	GIẢM	18.60	17.53	-0.54%			21		
DRC	18.95	GIẢM	GIẢM		19.19				21.29		
DXG	18.35	TĂNG	GIẢM	19.10	18.15	-3.93%			21		
EIB	18.65	TĂNG	TĂNG	17.80	17.77	4.78%		14.70	17	26.87%	

We Create Fortune

FCN	14.70	TĂNG	TĂNG	15.50	14.07	-5.16%		16.05	14	-8.41%	
FMC	29.20	TĂNG	GIẢM	28.95	28.58	0.86%			31		
FPT	46.95	TĂNG	TĂNG	45.20	45.41	3.87%		46.00	42	2.07%	
GAS	103.20	GIẢM	TĂNG		106.70			101.00	101.90	2.18%	BÁN
GEX	21.70	GIẢM	GIẢM		22.48				23.99		
GIL	26.60	TĂNG	GIẢM	27.30	25.94	-2.56%			30		
GMD	27.10	TĂNG	GIẢM	27.10	26.47	0.00%			27.99		
GTN	18.15	GIẢM	TĂNG		19.26			15.00	16.37	21.00%	
GVR	13.10	TĂNG	GIẢM	13.50	12.58	-2.96%			N/A		
HAG	5.47	TĂNG	GIẢM	5.15	5.14	6.21%			6		
HAX	15.65	TĂNG	TĂNG	14.25	15.04	9.82%		-	15		
HBC	15.45	GIẢM	GIẢM		15.58				18.07		
HCM	24.40	TĂNG	GIẢM	24.00	22.86	1.67%			27		
HDB	26.50	TĂNG	GIẢM	27.60	25.94	-3.99%			29		
HDC	15.50	TĂNG	TĂNG	15.25	14.57	1.64%		15.25	13	1.64%	
HDG	34.20	TĂNG	GIẢM	32.70	32.63	4.59%			35		
HNG	17.90	TĂNG	TĂNG	15.75	16.29	13.65%		17.10	17	4.68%	MUA
HPG	22.30	GIẢM	GIẢM		23.48				25.71		
HSG	7.50	TĂNG	TĂNG	7.70	7.40	-2.60%		9.30	7	-19.35%	
HT1	15.90	GIẢM	TĂNG		16.66			14.80	15.47	7.43%	
HUT	2.40	GIẢM	GIẢM		2.72				3.43		
HVN	42.30	GIẢM	TĂNG		43.28			39.00	38.27	8.46%	
KBC	15.00	TĂNG	GIẢM	14.30	14.43	4.90%			15		
KDH	23.65	GIẢM	GIẢM		24.54				24.76		
KSB	23.20	TĂNG	GIẢM	22.70	22.15	2.20%			25		
LCG	10.20	GIẢM	GIẢM		10.29				11.44		
LDG	8.53	TĂNG	GIẢM	8.63	8.15	-1.16%			10		
LHG	19.30	GIẢM	TĂNG		19.33			19.30	17.02	0.00%	
LPB	7.90	TĂNG	GIẢM	8.10	7.69	-2.47%			8.63		
LSS	5.23	GIẢM	GIẢM		5.63				5.91		
MBB	21.15	GIẢM	TĂNG		21.29			21.85	20.11	-3.20%	
MPC	34.40	GIẢM	GIẢM		35.56				40.54		
MSN	85.20	GIẢM	TĂNG		85.98			89.00	80.74	-4.27%	
MSR	18.40	GIẢM	GIẢM		19.57				20.71		
MWG	95.50	TĂNG	TĂNG	88.30	92.37	8.15%		88.70	83	7.67%	
NDN	16.50	TĂNG	TĂNG	14.10	15.74	17.02%		13.70	14	20.44%	
NKG	6.18	GIẢM	GIẢM		6.49				7.27		
NLG	28.90	GIẢM	TĂNG		29.91			28.70	27.83	0.70%	
NT2	27.10	GIẢM	GIẢM		27.60				29.22		

We Create Fortune

NTL	25.25	TĂNG	TĂNG	22.95	23.56	10.02%		10.45	21	141.63%	
NVL	59.80	TĂNG	GIẢM	59.90	57.90	-0.17%			62		
OIL	11.30	GIẢM	GIẢM		12.07				13.57		
PAC	36.00	GIẢM	GIẢM		37.18				38.86		
PC1	18.80	GIẢM	GIẢM		19.50				21.02		
PDR	26.15	TĂNG	TĂNG	24.10	25.29	8.51%		29.00	23	-9.83%	
PHR	61.00	TĂNG	TĂNG	61.20	56.30	-0.33%		24.00	51	154.17%	
PLX	64.30	TĂNG	TĂNG	64.20	61.28	0.16%		62.40	58.43	3.04%	
PNJ	74.50	GIẢM	TĂNG		75.30			104.00	72.83	-28.37%	
POW	14.80	GIẢM	TĂNG		15.34			15.70	13.92	-5.73%	
PVT	16.50	GIẢM	GIẢM		16.79				17.62		
PPC	31.00	TĂNG	TĂNG	28.75	28.54	7.83%		19.70	25	57.36%	
PTB	71.00	TĂNG	TĂNG	66.60	67.08	6.61%		64.00	62	10.94%	
PVB	18.80	TĂNG	TĂNG	19.60	18.79	-4.08%		20.10	17	-6.47%	
PVD	18.65	TĂNG	TĂNG	19.20	18.08	-2.86%		18.50	18	0.81%	
PVI	37.40	TĂNG	GIẢM	37.40	35.95	0.00%			39.70		
PVS	23.50	TĂNG	TĂNG	23.00	22.22	2.17%		21.10	21	11.37%	
PXS	4.93	GIẢM	TĂNG		5.04			4.85	4.26	1.65%	
QNS	31.60	TĂNG	GIẢM	33.80	29.58	-6.51%		33.80	32	-4.72%	MUA
REE	33.35	TĂNG	TĂNG	33.05	31.52	0.91%		33.33	31.11	0.07%	
SAB	279.00	TĂNG	TĂNG	253.00	266.64	10.28%		245.00	249	13.88%	
SAM	8.29	TĂNG	TĂNG	8.25	8.07	0.48%		7.40	8	12.03%	
SCR	7.24	GIẢM	GIẢM		7.38				7.61		
SHI	8.01	GIẢM	TĂNG	8.14	8.03	-1.31%	BÁN	6.99	7	14.59%	
SJS	19.40	TĂNG	GIẢM	18.30	18.99	6.01%		-	20		
SKG	12.15	GIẢM	GIẢM		12.65				13		
SSI	25.20	GIẢM	GIẢM		25.25				27.07		
STB	11.45	GIẢM	GIẢM		11.71				12.42		
TCB	21.40	TĂNG	GIẢM	21.40	21.10	0.00%	MUA		N/A		
TCM	28.40	TĂNG	GIẢM	27.85	26.94	1.97%			31		
TDH	9.75	GIẢM	TĂNG		10.31			11.65	9.17	-16.31%	
TLH	5.07	GIẢM	TĂNG		5.09			5.39	4.80	-5.94%	
TNG	21.80	TĂNG	TĂNG	19.70	20.31	10.66%		12.00	16	81.67%	
VCB	72.50	TĂNG	TĂNG	69.20	69.37	4.77%		62.00	64	16.94%	
VCG	26.40	GIẢM	TĂNG		27.21			19.20	24.08	37.50%	
VCS	65.90	TĂNG	GIẢM	61.20	60.64	7.68%			69		
VGC	20.50	GIẢM	GIẢM		21.07				21.65		
VGT	11.00	TĂNG	GIẢM	11.38	10.69	-3.33%			13,091		
VHC	86.50	GIẢM	GIẢM		89.08				95.80		

We Create Fortune

VHM	85.00	TĂNG	GIẢM	81.00	77.84	4.94%			88		
VIB	17.30	TĂNG	GIẢM	17.00	15.92	1.76%			17.99		
VIC	116.50	GIẢM	TĂNG		117.69			112.00	108.25	4.02%	
VIP	5.64	GIẢM	GIẢM		5.80				6.10		
VJC	129.50	TĂNG	TĂNG	123.30	124.33	5.03%		124.50	114	4.02%	
VND	15.25	GIẢM	GIẢM		15.67				17.09		
VNG	22.00	TĂNG	TĂNG	20.60	21.45	6.80%		21.50	19	2.33%	
VNM	126.20	TĂNG	GIẢM	126.00	122.40	0.16%			134.08		
VPB	19.35	TĂNG	GIẢM	18.60	18.65	4.03%			20		
VPI	42.55	TĂNG	GIẢM	41.75	41.16	1.92%			43,124		
VRC	15.70	GIẢM	GIẢM		16.15				17.82		
VRE	34.75	GIẢM	TĂNG		34.92			35.00	31.18	-0.71%	
VSC	31.00	GIẢM	GIẢM		31.88				34.79		
AAA	18.65	TĂNG	TĂNG	18.60	17.86	0.27%		16.85	16	10.68%	
ACB	29.20	GIẢM	GIẢM		29.53				31.45		
ACV	84.00	GIẢM	TĂNG		91.31			90.00	79.58	-6.67%	
ANV	26.70	GIẢM	GIẢM		27.71				30.56		
ASM	7.06	GIẢM	GIẢM		7.20				7.93		

BẢNG THEO DÕI XU HƯỚNG NHÓM CỔ PHIẾU LARGECAPS

CP	Giá	Xu hướng ngắn hạn	Xu hướng trung hạn	Giá mua ngắn hạn	Mức cắt lỗ ngắn hạn	%LN ngắn hạn tạm tính	Tín hiệu ngắn hạn	Giá mua trung hạn	Mức cắt lỗ trung hạn	%LN trung hạn tạm tính	Tín hiệu trung hạn
ACB	29.20	GIẢM	GIẢM		29.53				31.45		
BID	32.80	TĂNG	TĂNG	32.65	31.49	0.46%		33.40	31.23	-1.80%	
BSR	12.30	GIẢM	GIẢM		13.09				14.68		
BVH	82.70	TĂNG	GIẢM	79.00	79.44	4.68%			85.11		
CTG	21.15	TĂNG	TĂNG	21.05	19.86	0.48%		22.70	19.64	-6.83%	BÁN
EIB	18.65	TĂNG	TĂNG	17.80	17.77	4.78%		14.70	16.69	26.87%	
FPT	46.95	TĂNG	TĂNG	45.20	45.41	3.87%		41.00	42.21	14.52%	
GAS	103.20	GIẢM	TĂNG		106.70			99.03	101.90	4.22%	BÁN
HDB	26.50	TĂNG	GIẢM	27.60	25.94	-3.99%			28.77		
HNG	17.90	TĂNG	TĂNG	15.75	16.29	13.65%		17.10	16.55	4.68%	MUA
HPG	22.30	GIẢM	GIẢM		23.48				25.71		
HVN	42.30	GIẢM	TĂNG		43.28			39.00	38.27	8.46%	
KDH	23.65	GIẢM	GIẢM		24.54				24.76		
MBB	21.15	GIẢM	TĂNG		21.29			21.27	20.11	-0.57%	
MSN	85.20	GIẢM	TĂNG		85.98			89.00	80.74	-4.27%	

We Create Fortune

MWG	95.50	TĂNG	TĂNG	88.30	92.37	8.15%		88.70	83.04	7.67%	
NVL	59.80	TĂNG	GIẢM	59.90	57.90	-0.17%			62.33		
OIL	11.30	GIẢM	GIẢM		12.07				13.57		
PLX	64.30	TĂNG	N/A	64.20	61.28	0.16%		62.40	58.43	3.04%	
PNJ	74.50	GIẢM	TĂNG		75.30			77.88	72.83	-4.34%	
POW	14.80	GIẢM	TĂNG		15.34			15.70	13.92	-5.73%	
PVS	23.50	TĂNG	TĂNG	23.00	22.22	2.17%		21.10	21.47	11.37%	
QNS	31.60	TĂNG	GIẢM	33.80	29.58	-6.51%		33.80	32.21	-4.72%	MUA
REE	33.35	TĂNG	TĂNG	33.05	31.52	0.91%		33.33	31.11	0.07%	
ROS	29.80	GIẢM	TĂNG		30.43			34.80	27.33	-14.37%	
SSI	25.20	GIẢM	GIẢM		25.25				27.07		
STB	11.45	GIẢM	GIẢM		11.71				12.42		
TCB	21.40	TĂNG	GIẢM	21.40	21.10	0.00%	MUA		23.07		
TPB	23.20	GIẢM	GIẢM		23.86				N/A		
VCB	72.50	TĂNG	TĂNG	69.20	69.37	4.77%		62.00	64.31	16.94%	
VCG	26.40	GIẢM	TĂNG		27.21			18.44	24.08	43.16%	
VEA	57.90	GIẢM	GIẢM		60.38				N/A		
VGI	27.30	GIẢM	GIẢM		28.73				N/A		
VHM	85.00	TĂNG	GIẢM	81.00	77.84	4.94%			87.75		
VIB	17.30	TĂNG	GIẢM	17.00	15.92	1.76%			17.99		
VIC	116.50	GIẢM	TĂNG		117.69			112.00	108.25	4.02%	
VJC	129.50	TĂNG	TĂNG	123.30	124.33	5.03%		124.50	113.67	4.02%	
VNM	126.20	TĂNG	GIẢM	126.00	122.40	0.16%			134.08		
VPB	19.35	TĂNG	GIẢM	18.60	18.65	4.03%			19.82		
VRE	34.75	GIẢM	TĂNG		34.92			34.00	31.18	2.22%	

BẢNG THEO DÕI XU HƯỚNG NHÓM CỔ PHIẾU MIDCAPS

CP	Giá	Xu hướng ngắn hạn	Xu hướng trung hạn	Giá mua ngắn hạn	Mức cắt lỗ ngắn hạn	%LN ngắn hạn tạm tính	Tín hiệu ngắn hạn	Giá mua trung hạn	Mức cắt lỗ trung hạn	%LN trung hạn tạm tính	Tín hiệu trung hạn
AAA	18.65	TĂNG	TĂNG	18.60	17.86	0.27%		16.85	16.36	10.68%	
ANV	26.70	GIẢM	GIẢM		27.71				30.56		
ASM	7.06	GIẢM	GIẢM		7.20				7.93		
BMP	44.50	TĂNG	GIẢM	44.50	42.24	0.00%			48.32		
BWE	27.80	TĂNG	TĂNG	25.85	25.90	7.54%		19.44	24.07	43.00%	
C4G	8.70	GIẢM	#N/A		9.19			-	#N/A		
CEO	10.30	GIẢM	GIẢM		10.51				12.74		
CII	21.90	GIẢM	GIẢM		23.10				24.53		

We Create Fortune

CRE	25.25	TĂNG	#N/A	25.90	24.58	-2.51%		-	#N/A		
CTI	23.00	TĂNG	GIẢM	23.80	22.66	-3.36%			25.17		
CTR	28.90	TĂNG	#N/A	28.80	27.16	0.35%		-	#N/A		
DCM	8.11	TĂNG	GIẢM	8.50	7.97	-4.59%			8.83		
DHC	43.20	TĂNG	TĂNG	40.90	41.76	5.62%		35.20	38.25	22.73%	
DIG	13.30	GIẢM	GIẢM		13.65				15.14		
DPM	15.60	GIẢM	GIẢM		15.88				18.42		
DRC	18.95	GIẢM	GIẢM		19.19				21.29		
DXG	18.35	TĂNG	GIẢM	19.10	18.15	-3.93%			20.75		
E1VFN30	14.59	TĂNG	GIẢM	14.59	14.58	0.00%	MUA		15.16		
FCN	14.70	TĂNG	TĂNG	15.50	14.07	-5.16%		16.05	13.65	-8.41%	
FLC	4.22	GIẢM	GIẢM		4.33				4.81		
FTM	24.15	GIẢM	TĂNG		24.40			16.25	21.48	48.62%	
GEG	22.00	TĂNG	TĂNG	22.80	21.32	-3.51%		12.90	20.50	70.54%	
GEX	21.70	GIẢM	GIẢM		22.48				23.99		
GMD	27.10	TĂNG	GIẢM	27.10	26.47	0.00%			27.99		
GTN	18.15	GIẢM	TĂNG		19.26			15.00	16.37	21.00%	
GVR	13.10	TĂNG	#N/A	13.50	12.58	-2.96%		-	#N/A		
HAG	5.47	TĂNG	GIẢM	5.15	5.14	6.21%			5.62		
HBC	15.45	GIẢM	GIẢM		15.58				18.07		
HCM	24.40	TĂNG	GIẢM	24.00	22.86	1.67%			26.60		
HDG	34.20	TĂNG	GIẢM	32.70	32.63	4.59%			34.59		
HPX	26.65	TĂNG	#N/A	26.80	26.09	-0.56%		-	#N/A		
HSG	7.50	TĂNG	TĂNG	7.70	7.40	-2.60%		8.45	7.01	-11.27%	
HT1	15.90	GIẢM	TĂNG		16.66			14.80	15.47	7.43%	
IBC	22.00	TĂNG	TĂNG	20.90	21.08	5.26%		24.90	20.05	-11.65%	
IDI	7.52	TĂNG	GIẢM	7.48	7.23	0.53%			8.42		
IJC	10.90	GIẢM	GIẢM		11.13				11.50		
ITA	3.07	GIẢM	TĂNG		3.19			3.20	2.75	-4.06%	
KBC	15.00	TĂNG	GIẢM	14.30	14.43	4.90%			15.01		
KSB	23.20	TĂNG	GIẢM	22.70	22.15	2.20%			25.36		
LDG	8.53	TĂNG	GIẢM	8.63	8.15	-1.16%			10.06		
LPB	7.90	TĂNG	GIẢM	8.10	7.69	-2.47%			8.63		
MBS	14.80	GIẢM	#N/A		15.38			16.00	#N/A	#N/A	
MPC	34.40	GIẢM	GIẢM		35.56				40.54		
NBB	20.50	TĂNG	TĂNG	22.00	19.78	-6.82%		21.50	18.83	-4.65%	
NKG	6.18	GIẢM	GIẢM		6.49				7.27		
NLG	28.90	GIẢM	TĂNG		29.91			28.70	27.83	0.70%	

We Create Fortune

NT2	27.10	GIẢM	GIẢM		27.60			29.22		
NTC	160.40	TĂNG	#N/A	144.00	140.69	11.39%		120.00	#N/A	#N/A
NTL	25.25	TĂNG	TĂNG	22.95	23.56	10.02%		9.33	21.18	170.59%
NVB	8.10	GIẢM	GIẢM		8.44			9.22		
OGC	4.10	GIẢM	GIẢM		4.15			4.79		
PC1	18.80	GIẢM	GIẢM		19.50			21.02		
PDR	26.15	TĂNG	TĂNG	24.10	25.29	8.51%		23.60	23.22	10.83%
PHR	61.00	TĂNG	TĂNG	61.20	56.30	-0.33%		22.86	50.97	166.79%
PPC	31.00	TĂNG	TĂNG	28.75	28.54	7.83%		17.42	24.75	77.94%
PTB	71.00	TĂNG	TĂNG	66.60	67.08	6.61%		60.78	62.33	16.81%
PVD	18.65	TĂNG	TĂNG	19.20	18.08	-2.86%		18.50	17.78	0.81%
PVI	37.40	TĂNG	GIẢM	37.40	35.95	0.00%			39.70	
PVT	16.50	GIẢM	GIẢM		16.79			17.62		
QCG	4.48	GIẢM	GIẢM		4.74			5.91	4.64	-21.52%
SAM	8.29	TĂNG	TĂNG	8.25	8.07	0.48%		7.40	7.55	12.03%
SBT	17.15	GIẢM	GIẢM		17.60			18.63		
SCR	7.24	GIẢM	GIẢM		7.38			7.61		
SHB	6.80	GIẢM	GIẢM		7.08			7.69		
SHS	9.80	GIẢM	TĂNG		10.27			12.10	9.22	-19.01%
SJS	19.40	TĂNG	GIẢM	18.30	18.99	6.01%		-	19.93	
STK	25.30	TĂNG	TĂNG	24.20	22.48	4.55%		17.00	19.98	48.82%
SZC	20.45	TĂNG	#N/A	20.45	19.81	0.00%	MUA	-	#N/A	
TCH	21.75	TĂNG	GIẢM	21.15	20.88	2.84%			23.38	
TCM	28.40	TĂNG	GIẢM	27.85	26.94	1.97%			30.59	
TNG	21.80	TĂNG	TĂNG	19.70	20.31	10.66%		12.00	16.37	81.67%
TTB	21.95	GIẢM	GIẢM		22.56				24.89	
VCI	31.35	GIẢM	GIẢM		32.23				35.72	
VGT	11.00	TĂNG	#N/A	12.00	10.69	-8.33%		-	#N/A	
VHC	86.50	GIẢM	GIẢM		89.08				95.80	
VND	15.25	GIẢM	GIẢM		15.67				17.09	
VNG	22.00	TĂNG	TĂNG	20.60	21.45	6.80%		21.50	19.37	2.33%
VPI	42.55	TĂNG	GIẢM	41.75	41.16	1.92%			42.86	

BẢNG THEO DÕI XU HƯỚNG NHÓM CỔ PHIẾU SMALLCAPS

CP	Giá	Xu hướng ngắn hạn	Xu hướng trung hạn	Giá mua ngắn hạn	Mức cắt lỗ ngắn hạn	%LN ngắn hạn tạm tính	Tín hiệu ngắn hạn	Giá mua trung hạn	Mức cắt lỗ trung hạn	%LN trung hạn tạm tính	Tín hiệu trung hạn
AAV	9.10	GIẢM	#N/A		9.33			16.85	#N/A	#N/A	

We Create Fortune

AGR	4.10	TĂNG	TĂNG	3.89	3.84	5.40%		3.99	3.54	2.76%	
AMD	1.80	GIẢM	GIẢM		1.87				2.08		
APG	9.45	TĂNG	TĂNG	8.50	8.97	11.18%		9.90	9.07	-4.55%	MUA
ART	2.40	GIẢM	GIẢM		2.69				3.32		
BCC	8.30	TĂNG	TĂNG	8.50	7.91	-2.35%		7.70	7.66	7.79%	
BCG	5.68	TĂNG	TĂNG	5.90	5.61	-3.73%		6.39	5.41	-11.11%	
C69	16.50	TĂNG	TĂNG	8.80	15.73	87.50%		5.30	11.41	211.32%	
CCL	5.60	GIẢM	TĂNG	3.55	5.62	58.35%	BÁN	3.46	4.14	61.85%	
CRC	14.60	GIẢM	GIẢM		15.23				18.03		
CVT	19.75	TĂNG	GIẢM	19.25	18.06	2.60%			20.33		
DAG	6.90	TĂNG	GIẢM	6.55	6.55	5.34%			7.01		
DAH	8.53	GIẢM	TĂNG		8.61			4.66	7.54	82.88%	
DGW	22.05	TĂNG	GIẢM	21.85	20.66	0.92%			23.12		
DLG	1.56	TĂNG	GIẢM	1.56	1.47	0.00%			1.65		
DRH	7.37	TĂNG	GIẢM	7.59	6.91	-2.90%			7.76		
DTD	12.70	TĂNG	TĂNG	15.00	12.12	-15.33%		12.90	10.39	-1.55%	
EVG	2.71	GIẢM	GIẢM		2.87				3.02		
FIT	3.31	TĂNG	TĂNG	3.28	3.19	0.91%		3.64	2.85	-9.07%	
GKM	15.30	GIẢM	TĂNG		15.53			11.42	14.95	33.92%	
HAH	11.90	GIẢM	GIẢM		12.33				12.67		
HAI	1.87	TĂNG	GIẢM	1.87	1.85	0.00%	MUA		1.93		
HAP	3.62	GIẢM	TĂNG		3.75			3.67	3.25	-1.36%	
HAR	4.01	GIẢM	TĂNG		4.27			3.71	3.65	8.09%	
HCD	3.78	TĂNG	GIẢM	3.79	3.54	-0.26%			4.48		
HDA	11.50	TĂNG	TĂNG	10.50	10.37	9.52%			11.19		
HDC	15.50	TĂNG	TĂNG	15.25	14.57	1.64%		15.25	13.17	1.64%	
HHP	17.40	GIẢM	#N/A		17.66			-	#N/A		
HHS	3.38	GIẢM	GIẢM		3.46				3.90		
HII	12.00	GIẢM	GIẢM		12.48				14.16		
HQC	1.39	TĂNG	GIẢM	1.43	1.36	-2.80%			1.50		
HSL	7.95	GIẢM	GIẢM		8.54				10.76		
HUT	2.40	GIẢM	GIẢM		2.72				3.43		
HVG	3.60	TĂNG	GIẢM	3.33	3.26	8.11%			4.67		
HVH	26.90	TĂNG	#N/A	26.15	26.24	2.87%		-	#N/A		
JVC	2.93	GIẢM	GIẢM		2.98			3.28	2.98	-9.11%	BÁN
KLF	1.40	GIẢM	GIẢM		1.61				1.89		
KMR	3.05	GIẢM	TĂNG		3.11			3.68	2.65	-17.12%	
LCG	10.20	GIẢM	GIẢM		10.29				11.44		
LGL	10.10	GIẢM	TĂNG		10.75			7.11	8.90	41.99%	



We Create Fortune

LHG	19.30	GIẢM	TĂNG		19.33			19.30	17.02	0.00%	
LMH	17.25	TĂNG	#N/A	17.05	15.60	1.17%		-	#N/A		
MST	2.90	GIẢM	GIẢM		3.19				3.84		
NDN	16.50	TĂNG	TĂNG	14.10	15.74	17.02%		13.10	13.50	25.91%	
PHC	13.20	TĂNG	TĂNG	13.40	12.98	-1.49%		14.45	12.65	-8.65%	
PVB	18.80	TĂNG	TĂNG	19.60	18.79	-4.08%		20.10	16.79	-6.47%	
PVC	7.00	GIẢM	TĂNG		7.30			7.10	6.20	-1.41%	
PXL	5.80	TĂNG	GIẢM	6.60	5.74	-12.12%			7.60		
PXS	4.93	GIẢM	TĂNG		5.04			4.85	4.26	1.65%	
QBS	2.76	GIẢM	GIẢM		2.97				3.62		
SFG	12.05	GIẢM	GIẢM		14.09			11.49	14.58	26.83%	BÁN
SHI	8.01	GIẢM	TĂNG	8.80	8.03	-8.71%	BÁN	6.23	7.45	28.52%	
SJF	3.49	TĂNG	GIẢM	3.06	2.93	14.05%			4.16		
SKG	12.15	GIẢM	GIẢM		12.65				12.61		
TDH	9.75	GIẢM	TĂNG		10.31			11.65	9.17	-16.31%	
TIG	3.40	GIẢM	TĂNG		3.65			3.20	3.03	6.25%	
TLD	5.06	GIẢM	GIẢM		5.57				6.36		
TLH	5.07	GIẢM	TĂNG		5.09			5.85	4.80	-13.33%	
TNI	10.20	GIẢM	GIẢM		10.83			12.15	10.21	-15.98%	
TTF	3.27	GIẢM	TĂNG		3.40			3.99	3.03	-18.05%	
TTH	3.90	GIẢM	GIẢM		4.24			5.27	4.22	-20.02%	BÁN
TVB	17.30	GIẢM	GIẢM		17.91				19.94		
TVC	12.20	TĂNG	GIẢM	12.80	12.09	-4.69%			13.71		
VC3	23.30	TĂNG	TĂNG	23.10	22.86	0.87%		22.00	21.33	5.91%	
VCR	28.60	GIẢM	TĂNG		31.97			3.90	24.11	633.33%	
VNE	4.42	TĂNG	TĂNG	4.35	4.22	1.61%		4.65	3.96	-4.95%	
VPG	22.40	TĂNG	TĂNG	20.40	21.61	9.80%		20.46	18.84	9.51%	
VRC	15.70	GIẢM	GIẢM		16.15				17.82		
YBM	10.15	GIẢM	GIẢM		10.86				12.47		



We Create Fortune

Sàn GDCK TPHCM (HSX)

	Điểm	Chg%
VNI	973.04	1.32%
VN30	879.72	1.17%
VN Mid	971.79	0.69%
VN Small	820.13	0.19%

Sàn GDCK Hà Nội (HSX)

	Điểm	Chg%
HNI	104.34	0.65%
HN30	190.67	0.57%
VNX AllSh	856.47	1.10%

Sàn GDCK UPCoM (UPCoM)

	Điểm	Chg%
UPCoM	55.56	0.49%

GDKN	GTGD (tỷ VND)	
Mua	473.47	
Bán	355.65	
GT ròng	117.82	

GDKN	GTGD (tỷ VND)	
Mua	18.47	
Bán	6.09	
GT ròng	12.38	

GDKN	GTGD (tỷ VND)	
Mua	67.47	
Bán	50.67	
GT ròng	16.80	

Mã tăng lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%
D2D	4900	7.00%
SZC	1300	6.79%
STK	1300	5.42%
VCB	2900	4.17%
VHM	3000	3.66%

Mã tăng lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%
DHT	3200	9.94%
VCR	1100	4.00%
NDN	500	3.13%
BAX	1700	2.72%
PVS	500	2.17%

Mã tăng lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%
ABI	0	0.00%
ACV	0	0.00%
BSR	0	0.00%
C4G	0	0.00%
CTR	0	0.00%

Mã giảm lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%
CTF	-1500	-6.67%
SHI	-240	-2.91%
FRT	-1700	-2.83%
HVG	-80	-2.17%
CII	-400	-1.79%

Mã giảm lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%
VIX	-500	-6.76%
HUT	-100	-4.00%
BCC	-100	-1.19%
TNG	-200	-0.91%
L14	-300	-0.59%

Mã giảm lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%
ABI	0	0.00%
ACV	0	0.00%
BSR	0	0.00%
C4G	0	0.00%
CTR	0	0.00%

*GTVH > 500 tỷ đồng, GTDG >1.5 tỷ đồng

GTVH cao nhất	Tỷ đồng	
VIC	395,815	
VHM	274,660	
VCB	258,138	
VNM	219,415	
GAS	197,137	

GTVH cao nhất	Tỷ đồng	
ACB	35,918	
VCG	11,661	
PVS	10,993	
VCS	10,349	
PVI	8,643	

GTVH cao nhất	Tỷ đồng	
ACV	184,129	
VGI	81,525	
VEA	76,378	
MCH	58,553	
GVR	52,176	

KLGD nhiều nhất	Giá trị	TB 30 ngày
EIB	20,195,430	4,459,301
ROS	13,587,820	11,205,165
ITA	8,666,920	3,530,006
HAG	7,200,830	3,176,908
HPG	6,451,190	5,239,580

KLGD nhiều nhất	Giá trị	TB 30 ngày
SHB	3,951,297	5,219,162
PVS	2,709,188	2,694,661
VIX	2,384,000	539,132
NVB	1,190,300	645,616
MPT	1,128,610	626,258

KLGD nhiều nhất	Giá trị	TB 30 ngày
VIB	1,345,232	445,037
SIP	1,296,769	104,501
BSR	1,139,638	1,059,959
VGI	636,799	541,682
QNS	555,289	347,625

Nguồn: Bloomberg & YSVN

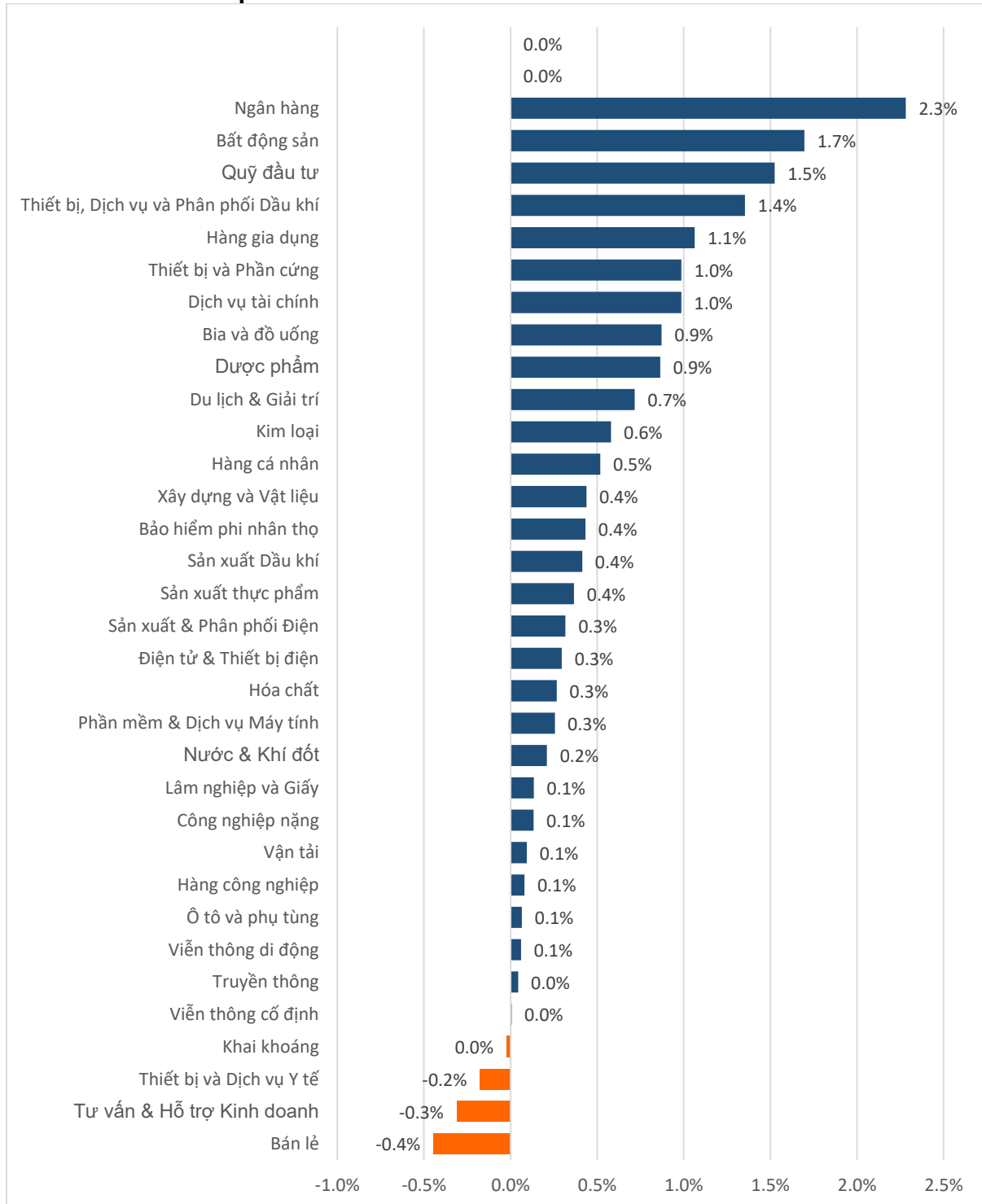
Nguồn: Bloomberg & YSVN

Nguồn: Bloomberg & YSVN



We Create **Fortune**

DIỄN BIẾN GIAO DỊCH CÁC NHÓM NGÀNH



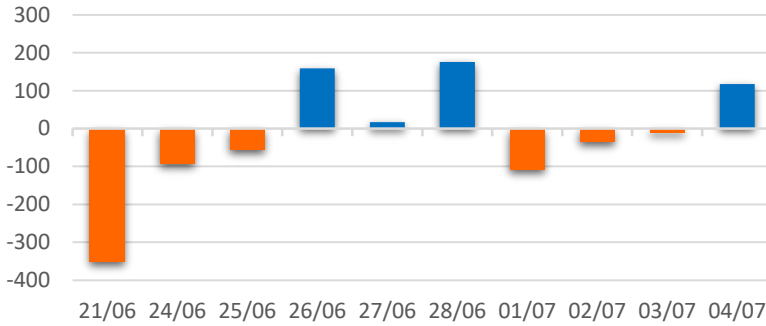
Nguồn: FiinPro – YSVN



We Create **Fortune**

THỐNG KÊ GIAO DỊCH KHỐI NGOẠI

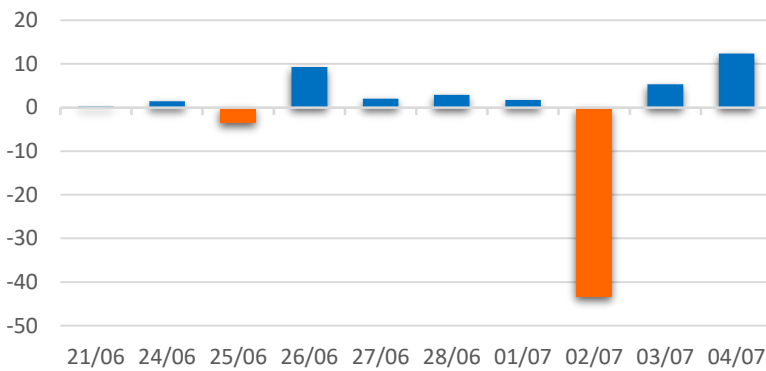
Diễn biến Mua/Bán ròng Khối ngoại HSX



Mã CK	Giá trị mua ròng (tr. VND)	Mã CK	Giá trị Bán ròng (tr. VND)
PLX	67,827	HPG	28,919
E1VFN30	53,377	VHM	27,733
PDR	43,897	VRE	19,682
VCB	35,323	HDB	15,030
VJC	8,231	VSC	7,123

TOP 5 Cổ phiếu khối ngoại Mua/Bán trên sàn HSX

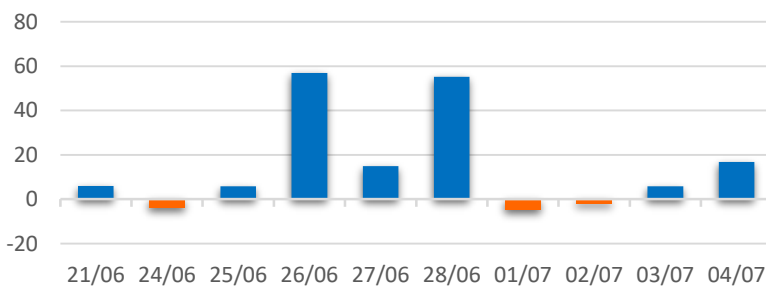
Diễn biến Mua/Bán ròng Khối ngoại HNX



Mã CK	Giá trị mua ròng (tr. VND)	Mã CK	Giá trị Bán ròng (tr. VND)
PVS	15,204	LAS	1,758
SHB	1,628	INN	868
BCC	82	NET	646
TIG	68	DBC	619
TTT	56	CEO	613

TOP 5 Cổ phiếu khối ngoại Mua/Bán trên sàn HNX

Diễn biến Mua/Bán ròng Khối ngoại UPCOM



Mã CK	Giá trị mua ròng (tr. VND)	Mã CK	Giá trị Bán ròng (tr. VND)
QNS	11,419	BSR	4,103
ABI	2,893	OIL	1,038
VGG	2,667	HND	704
VEA	2,029	LPB	138
GEG	1,540	VGI	131

TOP 5 Cổ phiếu khối ngoại Mua/Bán trên sàn UPCoM

Nguồn: FiinPro – YSVN



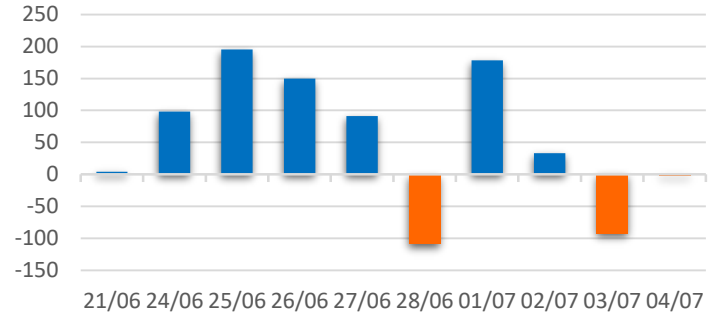
We Create **Fortune**

THỐNG KÊ GIAO DỊCH TỰ DOANH

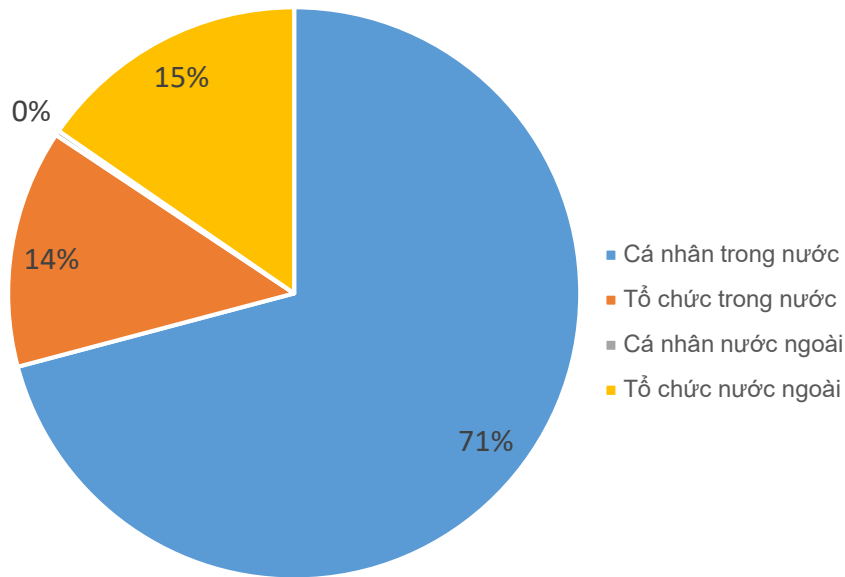
Mã CK	Giá trị mua ròng (tr. VND)	Mã CK	Giá trị Bán ròng (tr. VND)
VNM	21,479	VHM	75,392
VIC	19,380	E1VFN30	62,697
MWG	17,996	VNM	38,497
HPG	17,688	SCR	15,425
MSN	17,260	VIC	8,841

Top 5 các mã đạt GDTD lớn nhất

Giá trị giao dịch tự doanh mua/bán ròng (tỷ đồng)



CƠ CẤU THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN VIỆT NAM

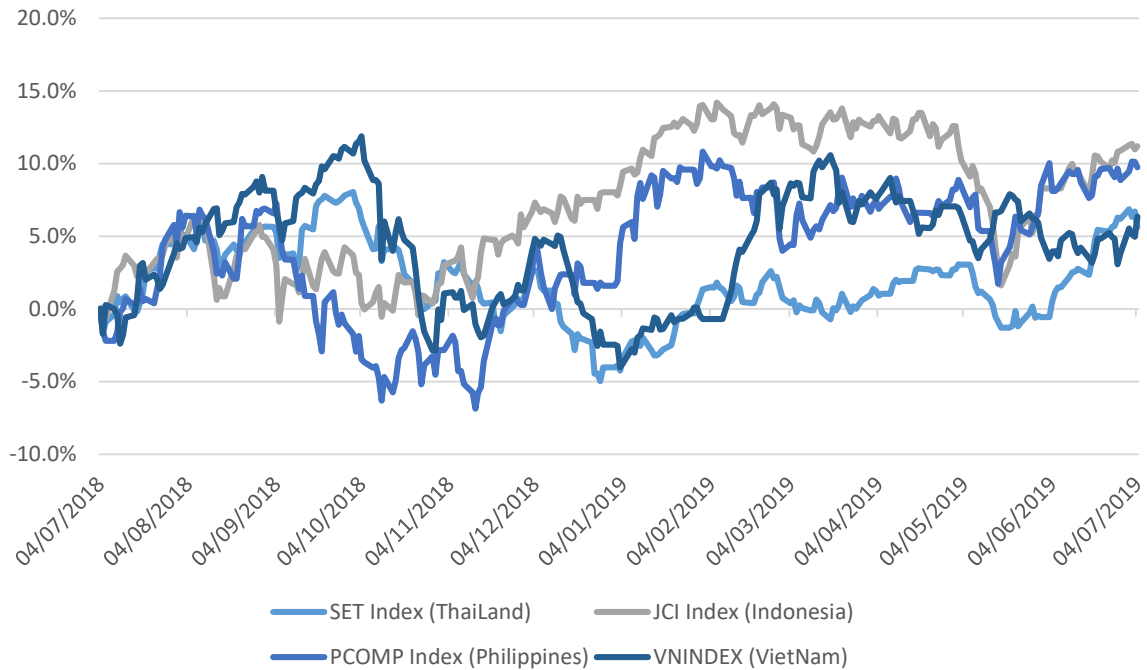


Nguồn: FimPro – YSVN



We Create Fortune

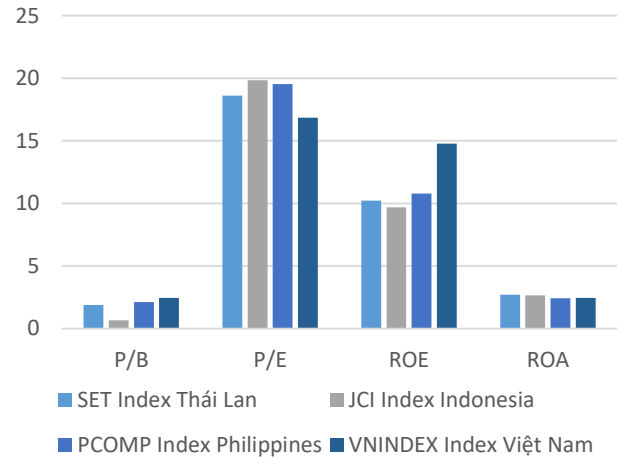
Diễn biến các thị trường trong khu vực



Dữ liệu thị trường các quốc gia trong khu vực

		Thái Lan	Indonesia	Philippines	Việt Nam
P/B		1.9x	0.7x	2.1x	2.5x
P/E		18.6x	19.8x	19.5x	16.9x
ROE	%	10.23	9.68	10.78	14.77
ROA	%	2.71	2.64	2.43	2.46
Vốn hóa	Tỷ USD	580.17	514.56	199.02	139.11
GTGD	Triệu USD	1.71	0.45	0.11	0.11
LS cổ tức	%	3.00	2.43	1.63	1.77

Nguồn: Bloomberg & YSVN





We Create **Fortune**

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN YUANTA VIỆT NAM

Phòng phân tích khối khách hàng cá nhân

Nguyễn Thế Minh

Giám đốc Nghiên cứu Phân tích

+84 28 3622 6868 ext 3826

minh.nguyen@yuanta.com.vn

Quách Đức Khánh

Chuyên viên phân tích cao cấp

+84 28 3622 6868 ext 3833

khanh.quach@yuanta.com.vn

Nguyễn Trịnh Ngọc Hồng

Chuyên viên phân tích

+84 28 3622 6868 ext 3832

hong.nguyen@yuanta.com.vn

Phạm Tấn Phát

Chuyên viên phân tích cao cấp

+84 28 3622 6868 ext 3830

phat.pham@yuanta.com.vn

Phòng Môi giới khách hàng cá nhân

Nguyễn Thanh Tùng

Giám đốc Môi giới Hội Sở

+84 28 3622 6868 ext 3609

tung.nguyen@yuanta.com.vn

Chung Kim Hoa

Giám đốc Khối khách hàng người Hoa

+84 28 3622 6868 ext 3828

hoa.chung@yuanta.com.vn

Phù Vĩnh Quế

Giám đốc chi nhánh Chợ Lớn

+84 28 3622 6868

que.phu@yuanta.com.vn

Nguyễn Việt Quang

Giám đốc chi nhánh Hà Nội

+84 28 3622 6868 ext 3404

quang.nguyen@yuanta.com.vn

Võ Thị Thu Thủy

Giám đốc chi nhánh Bình Dương

+84 28 3622 6868 ext 3505

thuy.vo@yuanta.com.vn

Bùi Quốc Phong

Giám đốc chi nhánh Đồng Nai

+84 28 3622 6868

phong.bui@yuanta.com.vn

Nguyễn Đức Hoàn

**Giám đốc trung tâm kinh doanh
Nam Hà Nội**

+84 28 3622 6868 ext 3409

hoan.nguyen@yuanta.com.vn



We Create **Fortune**

Appendix A: Important Disclosures

Analyst Certification

Each research analyst primarily responsible for the content of this research report, in whole or in part, certifies that with respect to each security or issuer that the analyst covered in this report: (1) all of the views expressed accurately reflect his or her personal views about those securities or issuers; and (2) no part of his or her compensation was, is, or will be, directly or indirectly, related to the specific recommendations or views expressed by that research analyst in the research report.

Ratings Definitions

BUY: We have a positive outlook on the stock based on our expected absolute or relative return over the investment period. Our thesis is based on our analysis of the company's outlook, financial performance, catalysts, valuation and risk profile. We recommend investors add to their position.

HOLD-Outperform: In our view, the stock's fundamentals are relatively more attractive than peers at the current price. Our thesis is based on our analysis of the company's outlook, financial performance, catalysts, valuation and risk profile.

HOLD-Underperform: In our view, the stock's fundamentals are relatively less attractive than peers at the current price. Our thesis is based on our analysis of the company's outlook, financial performance, catalysts, valuation and risk profile.

SELL: We have a negative outlook on the stock based on our expected absolute or relative return over the investment period. Our thesis is based on our analysis of the company's outlook, financial performance, catalysts, valuation and risk profile. We recommend investors reduce their position.

Under Review: We actively follow the company, although our estimates, rating and target price are under review.

Restricted: The rating and target price have been suspended temporarily to comply with applicable regulations and/or Yuanta policies.

Note: Yuanta research coverage with a Target Price is based on an investment period of 12 months. Greater China Discovery Series coverage does not have a formal 12 month Target Price and the recommendation is based on an investment period specified by the analyst in the report.

Global Disclaimer

© 2018 Yuanta. All rights reserved. The information in this report has been compiled from sources we believe to be reliable, but we do not hold ourselves responsible for its completeness or accuracy. It is not an offer to sell or solicitation of an offer to buy any securities. All opinions and estimates included in this report constitute our judgment as of this date and are subject to change without notice.

This report provides general information only. Neither the information nor any opinion expressed herein constitutes an offer or invitation to make an offer to buy or sell securities or other investments. This material is prepared for general circulation to clients and is not intended to provide tailored investment advice and does not take into account the individual financial situation and objectives of any specific person who may receive this report. Investors should seek financial advice regarding the appropriateness of investing in any securities, investments or investment strategies discussed or recommended in this report. The information contained in this report has been compiled from sources believed to be reliable but no representation or warranty, express or implied, is made as to its accuracy, completeness or correctness. This report is not (and should not be construed as) a solicitation to act as securities broker or dealer in any jurisdiction by any person or company that is not legally permitted to carry on such business in that jurisdiction.

Yuanta research is distributed in the United States only to Major U.S. Institutional Investors (as defined in Rule 15a-6 under the Securities Exchange Act of 1934, as amended and SEC staff interpretations thereof). All transactions by a US person in the securities mentioned in this report must be effected through a registered broker-dealer under Section 15 of the Securities Exchange Act of 1934, as amended. Yuanta research is distributed in Taiwan by Yuanta Securities Investment Consulting. Yuanta research is distributed in Hong Kong by Yuanta Securities (Hong Kong) Co. Limited, which is licensed in Hong Kong by the Securities and Futures Commission for regulated activities, including Type 4 regulated activity (advising on securities). In Hong Kong, this research report may not be redistributed, retransmitted or disclosed, in whole or in part or any form or manner, without the express written